TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/DS-PT
Ngày: 08-12-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 185/2022/TLPT-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc C, sinh năm: 1977; cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Nh, sinh năm: 1947; cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm: 1987; cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978; cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Nh – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 25/12/2018 của ông Hoàng Quốc C, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Nguyễn Thị L, người đại diện theo ủy quyền của ông C, thì: vào khoảng tháng 4/2016 ông C có nhận hợp đồng làm công việc san lấp mặt bằng trong

vườn cho Bà Đặng Thị Nh, thỏa thuận tiền múc đất là 50.000đ, tiền chở là 50.000đ, tiền bán đất là 10.000đ, tổng cộng là 110.000đ/xe. Sau khi hoàn thành xong việc thì ông C với bà Nh đã đối chiếu và chốt số xe số tiền với nhau cụ thể như sau: số xe ông C chở đất sau nhà bà Nh là 675 xe với giá tiền là 110.000đ/xe, thành tiền là 74.250.000đ; số xe ông C chở đất từ nơi khác đổ cho bà Nh là 1.003 xe, giá tiền là 180.000đ/xe; thành tiền là 180.540.000đ. Tổng cộng là 254.790.000đ. Bà Nh đã trả cho ông C 04 lần tiền, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 07/7/2016 ông C nhận của bà Nh 28.000.000đ;

+ Lần 2: Ngày 09/9/2016 bà nhận của bà Nh 50.000.000đ;

+ Lần 3: Ngày 19/12/2016 bà nhận của bà Nh 50.000.000đ;

+ Lần 4: Ngày 09/3/2016 bà nhận của bà Nh 5.000.000đ.

Tổng cộng, bà và ông C đã nhận của bà Nh số tiền là 133.000.000đ, còn lại là 121.790.000đ, ông C đã đòi nhiều lần nhưng bà Nh không trả. Đối với số tiền 50.000.000đ bà nhận của bà Nh ngày 09/3/2017 là tiền phân bà Nh đã mua của gia đình bà trước đó không liên quan đến khoản tiền đổ đất san lấp mặt bằng với bà Nh còn nợ ông C trong vụ án này nên bà không đồng ý cấn trừ số tiền này vào số tiền bà Nh đổ đất san lấp mặt bằng còn nợ ông C. Đối với yêu cầu phản tố của bà Nh đề nghị ông C trả số tiền là 20.750.000đ thì bà không đồng ý.

Ông C đổ đất san lấp mặt bằng cho bà Nh, còn Anh Nguyễn Tiến V (con bà Nh) chỉ ký trong biên bản với tư cách người chứng kiến, anh V không liên quan gì trong vụ án này. Vì vậy, ông C chỉ khởi kiện bà Nh; không yêu cầu anh V là người cùng có trách nhiệm trả tiền cho ông C.

Trước đây, ông C khởi kiện yêu cầu bà Nh thanh toán cho ông số tiền dịch vụ đổ đất là 226.790.000đ. Sau đó nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nh thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 121.790.000đ và lãi suất tính từ ngày 25/12/2018 đến ngày 17/12/2021 (tính tròn là 48 tháng) với mức lãi suất là 01%/tháng thành tiền là 58.459.000đ, cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 180.249.000đ.

- Theo lời trình bày của Bà Đặng Thị Nh thì: trong các ngày 16, 17, 18 bà và Ông Hoàng Quốc C có thỏa thuận bằng lời nói về việc đổ đất, san lấp mặt bằng, đến ngày 20/4/2016 hai bên làm hợp đồng bằng văn bản; bà đã nộp bản photo cho Tòa án, còn bản chính là ông C giữ, bà yêu cầu ông C xuất trình hợp đồng bản chính ngày 20/4/2016 này cho bà và cho Tòa án. Nội dung cụ thể là từ ngày 16, 17, 18, 19 tháng 4 năm 2016 đến ngày 21/7/2016 bà có thuê xe ông C chở đất để san lấp mặt bằng cho bà. Trong đó có 675 xe là lấy đất từ trên đồi của bà, đơn giá là 100.000đ/xe thành tiền là 67.500.000đ và 690 xe là ông C mua đất của người khác để đổ cho bà đơn giá là 150.000đ/xe, thành tiền là 103.500.000đ. Tổng số tiền ông C chở đất cho bà là 171.000.000đ.

Đối với văn bản "Biên bản tổng hợp số đất lấp sình gia đình Bà Đặng Thị Nh" do nguyên đơn xuất trình bản chính không ghi ngày tháng năm, không phải là chữ ký của bà và cũng không phải chữ ký, chữ viết của con bà là Anh Nguyễn Tiến V. Mặt khác, văn bản này cũng không có chữ ký của ông C, văn bản này không có ghi ngày tháng lập. Bà không giữ bản chính giấy này và không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà và con trai bà là Nguyễn Tiến Vũ tại văn bản này.

Trong thời gian ông C chở đất san lấp mặt bằng cho bà thì vợ chồng ông C, bà L rất nhiều lần ứng tiền: cụ thể ông C có ứng tiền từ bà ngày 07/7/2016 là 5.000.000đ + 23.000.000đ = 28.000.000đ. Sau đó ông C có ứng của bà 2.000.000đ tiền dầu nhưng bà không yêu cầu số tiền này. Sau đó ông C lấy tiếp 32.000.000đ; tổng số tiền ông C đã lấy 60.000.000đ. Tuy nhiên, ông C không thừa nhận số tiền 32.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu trả số tiền 28.000.000đ. Ngoài ra, ngày 09/9/2016, lúc 14 giờ, bà L nhận 50.000.000đ; ngày 19/12/2016, bà L nhận 50.000.000đ; ngày 28/12/2016 bà L nhận 5.000.000đ; ngày 09/3/2017 bà L 50.000.000đ (bà xác định là tiền đổ đất, không phải là tiền phân) và bà L lấy của bà một lần vào ngày 26 Tết năm 2016 là 5.000.000đ (bà không có tài liệu chứng cứ) khi giao dịch bà L không ký nhận nên bà không yêu cầu số tiền này. Tổng số tiền mà vợ chồng ông C, bà L ứng và nhận của bà là 183.000.000đ. Qua đơn khởi kiện của ông C yêu cầu bà trả số tiền đổ đất san lấp mặt bằng là 121.790.000đ, lãi là 48 tháng, mức lãi suất là 1%/tháng, tổng tiền lãi là 58.459.000đ, tổng cộng cả gốc và tiền lãi là 180.249.000đ thì bà không đồng ý. Trước đây bà có yêu cầu phản tố buộc ông C phải trả lại cho bà số tiền 20.750.000đ nay bà rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu ông C trả lại cho bà số tiền 16.800.000đ. Bà xác định Anh Nguyễn Tiến V (con trai bà) không liên quan gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án không đưa anh V vào tham gia trong vụ án.

- Theo lời trình bày của Bà Nguyễn Thị L thì: Quá trình chồng bà là Ông Hoàng Quốc C đổ đất san lấp mặt bằng cho Bà Đặng Thị Nh, bà và ông C đã ứng, nhận tiền của bà Nh tổng cộng 133.000.000đ. Đối với việc bà Nh cho rằng vào ngày 09/3/2017 bà có ứng số tiền là 50.000.000đ là không đúng, số tiền này là bà Nh trả vào khoản nợ tiền phân đã nợ của bà chứ không phải là khoản tiền ứng đổ đất san lấp mặt bằng của Ông Hoàng Quốc C.

- Theo lời trình bày của Anh Nguyễn Tiến V thì: Anh là con bà Nh, về việc đổ đất lấp sình giữa mẹ anh và ông C, hợp đồng anh Hoàng Quốc Cường đổ đất cho mẹ anh thì anh không nắm rõ. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Tiến Vũ dưới chữ con trai tại văn bản "Biên bản tổng hợp số đất lấp sình gia đình Bà Đặng Thị Nh" do nguyên đơn xuất trình không ghi ngày tháng năm không phải là chữ viết của anh. Anh không liên quan gì đến vụ án, anh không yêu cầu giám định chữ viết của anh, mọi quyết định là của mẹ anh, anh không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng nhưng không thành.

Tại Bản án số 86/2022/DS-ST ngày 23/9/2022; Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Quốc C về việc "Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ" với Bà Đặng Thị Nh.

Buộc Bà Đặng Thị Nh phải trả cho Ông Hoàng Quốc C số tiền là 121.790.000đ và lãi là 42.455.000đ. Tổng cộng là 164.245.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Đặng Thị Nh về việc yêu cầu Ông Hoàng Quốc C phải trả lại số tiền 16.800.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/10/2022 Bà Đặng Thị Nh có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để làm rõ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà Đặng Thị Nh vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Vợ chồng ông C, bà L đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nh, sửa Bản án sơ thẩm để tuyên theo hướng đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố mà nguyên đơn, bị đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông C cho rằng có nhận hợp đồng làm công việc san lấp mặt bằng trong vườn cho bà Nh. Tổng cộng ông C chở đất san lấp mặt bằng cho bà Nh với số tiền là 254.790.000đ. Bà Nh đã trả cho ông C được 133.000.000đ. Số tiền còn lại ông C đã đòi nhiều lần nhưng bà Nh không trả nên nay có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nh thanh toán số tiền gốc là 121.790.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 25/12/2018 đến ngày 17/12/2021 (tính tròn là 48 tháng) với mức lãi suất là 01%/tháng thành tiền là 58.459.000đ. Cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 180.249.000đ. Bà Nh không đồng ý đồng thời có yêu cầu phản tố yêu cầu ông C trả lại cho bà số tiền 16.800.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thì thấy rằng:

[2.1] Tại "Biên bản tổng hợp số đất lấp sình" thể hiện các bên thỏa thuận về giá, số xe, tổng số tiền đổ đất, thể hiện số tiền ứng trong quá trình chở đất san lấp

mặt bằng. Biên bản thỏa thuận có chữ ký và chữ viết của bà Nh, chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Thạch Lâm là người làm thuê cho ông C viết biên bản, chữ ký và chữ viết của anh V con trai bà Nh. Cả bà Nh và anh V không thừa nhận biên bản này và cũng không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của mình trong tài liệu này. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định 676/KL-KTHS ngày 04/8/2022 của Công an tỉnh Lâm Đồng thể hiện *"chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đặng Thị Nh dưới mục "BB bên chỉ nha: KN trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đặng Thị Nh trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M13 là do cùng một người ký và viết ra"*. Sau khi nhận được kết luận giám định thì bà Nh không đồng ý với nội dung kết luận giám định nhưng không yêu cầu giám định lại. Như vậy, căn cứ vào nội dung của văn bản nói trên có cơ sở khẳng định vào năm 2016 giữa ông C và bà Nh có thỏa thuận với nhau về việc chở đất san lấp mặt bằng tại vườn nhà bà Nh và chở đất từ nơi khác đến khu vực đất sình để san lấp cải tạo vườn cho bà Nh và công việc chi tiết được thể hiện trong "Biên bản tổng hợp số đất lấp sình gia đình Bà Đặng Thị Nh".

[2.2] Đồng thời, tại giấy nhận tiền thể hiện *"Ngày 09/09/2016, lúc 2 giờ chiều bà Nh đưa cho vợ ông C, Lương 50.000.000đ; Ngày 19/12/2016... 50.000.000đ; Ngày 28/12/2016 tôi Nguyễn Thị L có nhận của bà Nh 5.000.000đ"*. Vợ chồng ông C, bà L cũng thừa nhận có ứng và nhận tiền của bà Nh với tổng số tiền ứng trước và nhận là 133.000.000đ.

Theo giấy nhận tiền ghi ngày 09/3/2017 thể hiện *"Tôi Lương có nhận 50.000.000đ bà Nh (năm mươi triệu tiền phân)"*. Bà Nh cho rằng đây là tiền san lấp mặt bằng, bà L thừa nhận đã nhận số tiền này từ bà Nh, nhưng đây là khoản tiền mua phân bón của bà trước đó bà Nh còn nợ bà nên bà Nh trả cho bà là khoản tiền phân, không liên quan gì đến khoản tiền đổ đất san lấp mặt bằng mà giữa ông C và bà Nh. Bà Nh cho rằng chữ "tiền phân" thực tế là chữ "tiền mặt" là khoản tiền san lấp mặt bằng nên phải trừ ra cho bà nhưng lại không xuất trình được căn cứ chứng minh số tiền 50.000.000đ này là trả cho tiền san lấp mặt bằng, trong khi đó tài liệu lại thể hiện là tiền phân.

Ngoài ra, theo nội dung của Kết luận giám định 1307/GĐ-PC09 ngày 02/11/2021 cũng xác định *"chữ viết sau chữ năm mươi triệu tại dòng thứ 3 tính từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là chữ tiền phân"*. Do đó, có cơ sở xác định số tiền này là tiền phân chứ không phải là tiền san lấp mặt bằng như lời trình bày của bà Nh.

Đối với giấy nhận tiền ghi ngày 09/3/2017 thể hiện: *"vợ chồng ông C, bà L đã lấy tiền 2 lần là 145.000.000đ, ngày 26 Tết năm 2016 là 5.000.000đ, tiền ứng lấy dầu 2.000.000đ ... tổng cộng 110.000.000đ"*, tài liệu này do bà Nh cung cấp và bà Nh thừa nhận là do bà viết ra. Tài liệu này không có chữ ký xác nhận của vợ

chồng ông C, bà L; bản thân vợ chồng ông C, bà L cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với "Biên bản hợp đồng đổ đất cho gia đình Bà Đặng Thị Nh" và "Biên bản tổng kết hợp đồng đổ đất lấp xình" là bản phô tô do bà Nh cung cấp trong đó có ghi giá đổ đất đối với 01 xe sau nhà bà Nh là 100.000đ/xe ông C mua đất từ chỗ khác để đổ vào vườn cho bà giá là 150.000đ/xe. Tổng số tiền đổ đất cho bà là 171.000.000đ. Tuy nhiên bà Nh không cung cấp được bản chính hai tài liệu này và cho rằng bản chính của hai biên bản này là do ông C giữ bà chỉ có hai bản phô tô, trong khi đó ông C lại không thừa nhận và khẳng định ông không giữ hai tài liệu này. Do tài liệu bà Nh cung cấp chỉ là bản phô tô nên không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Như vậy, có căn cứ xác định năm 2016 ông C có thỏa thuận thống nhất hợp đồng làm công việc chở đất san lấp cải tạo vườn với bà Nh và số xe ông C chở đất sau nhà bà Nh là 675 xe với giá tiền là 110.000đ/xe, thành tiền là 74.250.000đ; số xe ông C chở đất từ nơi khác đổ cho bà Nh là 1.003 xe, giá tiền là 180.000đ/xe thành tiền là 180.540.000đ. Tổng cộng là 254.790.000đ. Ông C nhận của bà Nh là 28.000.000đ, bà L nhận của bà Nh 105.000.000đ, tổng là 133.000.000đ. Số tiền còn lại bà Nh chưa thanh toán cho ông C là 121.790.000đ nên việc khởi kiện của ông C là có cơ sở xem xét.

[3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: giao dịch giữa các bên được thực hiện vào năm 2016; thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2017); cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi là không chính xác; trong trường hợp này cần áp dụng các quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi mới phù hợp; cụ thể như sau:

Theo quy định tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm; cần áp dụng mức lãi suất này để tính lãi cho đương sự.

Thời gian ông C yêu cầu tính lãi là kể từ ngày 23/3/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 23/9/2022 là tròn 42 tháng với mức lãi suất là 0,75%/tháng. Số tiền lãi được tính là 121.790.000đ x 0,75% x 42 tháng = 38.363.850. Tổng cộng gốc và lãi là 160.153.850đ.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bà Nh về việc yêu cầu ông C phải trả lại cho bà số tiền 16.800.000đ nhưng lại không cung cấp được tài liệu để chứng minh; vợ chồng cho ông C, bà L không thừa nhận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nh là có căn cứ.

[5] Với những nhận định trên; cần chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Đặng Thị Nh, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[6] Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố; cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố đã rút là có thiếu sót và vi phạm thủ tục tố tụng; tuy nhiên vi phạm này không lớn; trong trường hợp hủy án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do vậy cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với vấn đề này.

[7] Về chi phí tố tụng: tổng chi phí giám định là 16.940.000đ; cấp sơ thẩm buộc ông C phải chịu 6.020.000đ; bà Nh phải chịu 10.920.000đ; buộc bà Nh phải trả lại cho ông C số tiền 5.920.000đ đã tạm ứng là phù hợp.

[8] Về án phí:

Lẽ ra bà Nh phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trã cho ông C và đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tuy nhiên bà Nh sinh năm: 1947, là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Nh là có căn cứ.

Ông C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 1.004.757đ (180.249.000đ - 160.153.850đ = 20.095.150đ x 5%)

Do kháng cáo được chấp nhận nên Bà Đặng Thị Nh không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 518, 519 và Điều 524 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Đặng Thị Nh, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Quốc C về việc "Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ" với Bà Đặng Thị Nh.

Buộc Bà Đặng Thị Nh phải trả cho Ông Hoàng Quốc C số tiền 160.153.850đ (một trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng)

trong đó tiền gốc là 121.790.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi là 38.363.850đ (ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Đặng Thị Nh về việc yêu cầu Ông Hoàng Quốc C phải trả lại số tiền 16.800.000đ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông C phải chịu 6.020.000đ, bà Nh phải chịu 11.280.000đ chi phí giám định. Buộc Bà Đặng Thị Nh phải trả lại cho Ông Hoàng Quốc C 5.920.000đ (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Hoàng Quốc C phải chịu 1.004.757đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.369.500đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001156 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Ông C được nhận lại 4.364.743đ án phí còn thừa.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Bà Đặng Thị Nh. Hoàn trả cho Bà Đặng Thị Nh số tiền 518.750đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015336 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho Bà Đặng Thị Nh. Hoàn trả cho Bà Đặng Thị Nh số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0010748 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện L (01);
- Chi cục THADS huyện L (01)
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch